|  |
| --- |
| ***Tiết85 .VB 3:***  ***ĐỜI MUỐI***  ***(Trích Đời muối: Lịch sử thế giới)***  ***- Mác Kơ-len-xki (Mark Kurlansky) -*** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực :**

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.* **HS biết đọc hiểu văn bản** **thông tin:**

- Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã có từ việc đọc văn bản 1 và văn bản 2 để thực hành phân tích được thông tin cơ bản của văn bản *Đời muối*, đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết, chỉ ra được bố cục và mạch lạc của văn bản.

- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp; phân tích được vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản *Đời muối*.

- So sánh, đánh giá hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để viết một đoạn văn liên quan đến nguyên nhân của các cuộc chiến tranh và đọc hiểu một văn bản thông tin mới.

**2 . Phẩm chất**

- Trân trọng lịch sử; có cái nhìn đa chiều, sâu sắc về lịch sử

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Máy tính, máy chiếu đa năng (Ti vi)

**2. Học liệu:**

- SGK, tài liệu tham khảo

- Tư liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.

- Phiếu học tập: HS chuẩn bị các phiếu học tập ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**

- HS quan sát hình ảnh một số bìa cuốn sách sau:

*A book cover with a picture of a person

Description automatically generated A book cover with people in a line

Description automatically generated A white cover with black text

Description automatically generated A blue book cover with yellow text

Description automatically generated A red cover with yellow text

Description automatically generated A book cover with a picture of a cup

Description automatically generated*

- Trên đây là bìa của một số cuốn sách về lịch sử. Dựa vào những hình ảnh trên và kiến thức của mình. Theo bạn, chúng ta có thể tiếp cận lịch sử bằng những cách nào?

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và trả lời các câu hỏi.

- GV quan sát, khích lệ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi một số HS phát biểu.

**=> Dự kiến sản phẩm:** Chúng ta có thể tiếp cận lịch sử bằng nhiều cách khác nhau: qua các cuộc chiến tranh, qua sự biến đổi và tiếp nối của các triều đại, các cuộc cách mạng, tiến trình phát triển kinh tế, qua hội họa, chữ viết, các nền văn minh,…

**Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**

**GV dẫn dắt vào bài:** Tiến trình lịch sử nhân loại là những trang sách nối dài có điểm bắt đầu nhưng chưa có điểm kết thúc. Để góp phần tạo nên những trang sách đó, mỗi yếu tố trong nhân loại này đều đóng góp những vai trò nhất định. Ngoài những yếu tố kể đến ở trên thì muối – một nhân tố nhỏ bé nhưng lại chứa đựng trong mình những kiến thức kì diệu, thú vị về lịch sử. Để hiểu rõ hơn về điều này, cô trò chúng ta cùng đi tìm hiểu bài học ngày hôm nay: *Đời muối* (trích *Đời muối: Lịch sử thế giới)* của tác giả Mác Kơ-len-xki.

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2.1. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết được những nét chung về tác giả, văn bản

**b. Nội dung hoạt động**: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về văn bản.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **2.1. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản.**  **2.1.1 Đọc**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu:  - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc to, rõ ràng, cảm nhận giọng điệu kể chuyện chậm rãi, thong dong của tác giả trong văn bản.  - Gọi một vài HS đọc một số đoạn quan trọng.  - Lưu ý: HS cần kết hợp đọc với làm theo hướng dẫn trong thẻ bên phải tuyến sách và chú ý phần chú thích để hiểu rõ thêm về văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc VB  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm:** HS đọc văn bản  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức  **2.1.2 Đọc, xác định bố cục và chủ đề chính**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu: HS suy nghĩ cá nhân và trả lời các câu hỏi:  - Nêu xuất xứ của văn bản.  - Xác định chủ đề chính, bố cục của văn bản.  **Bước 2 + 3. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc lướt SGK, suy nghĩ, tìm câu trả lời.  - GV gọi 01 HS trình bày, gọi 01 HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  - GV chốt kiến thức, yêu cầu HS kẻ bảng điền thông tin vào vở. | **I. ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả Mác Kơ-len-xki**  - Sinh năm 1948.  - Là nhà báo và nhà văn người Mỹ.  - Tác phẩm tiêu biểu: *Khi loài cá biến mất* (1997), *Đời muối: Lịch sử thế giới* (2002), *Giấy: Lật giở từng trang sử* (2016), *Cá hồi và trái đất: Lịch sử của một số phận bình thường (2020),…*  - Thông qua việc khảo sát lịch sử những vật dụng thường nhật hay các mặt hàng quan trọng, phổ biến, các cuốn sách của ông mang lại một góc nhìn thú vị và mới mẻ về lịch sử loài người.  **2. Văn bản**  ***a. Xuất xứ***: được trích trong cuốn *Đời muối: Lịch sử thế giới,* cuốn sách khám phá hành trình của muối trong lịch sử nhân loại  ***b. Chủ đề***: Thông qua hành trình của muối, tác giả thể hiện góc nhìn và quan điểm thú vị về lịch sử nhân loại.  ***c. Bố cục***: 3 phần  - Phần 1 (Từ đầu đến “*và dĩ nhiên ngành độc quyền nhà nước đầu tiên”):* Lịch sử nhân loại trước khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống.  - Phần 2 (Tiếp đến *“giống như nhiều loại hàng hóa khác”):* Lịch sử nhân loại sau khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống.  - Phần 3 (còn lại): Lập trường, quan điểm của tác giả về muối. |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu :**

- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản *Đời muối*, đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết, chỉ ra được bố cục và mạch lạc của văn bản.

- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp; phân tích được vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản *Đời muối*.

- So sánh, đánh giá hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ.

**b. Nội dung hoạt động**: HS làm việc nhóm, báo cáo sản phẩm đã chuẩn bị trước tiết học.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân, PHT.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **PHT 01:**  **TÌM HIỂU THÔNG TIN, DỮ LIỆU CỦA VĂN BẢN**  **HS đọc lại VB và hoàn thành sơ đồ tóm lược tiến trình lịch sử của nhân loại dựa trên vai trò của muối đối với đời sống con người:**  => Trong tiến trình lịch sử đó, theo tác giả, muối đóng vai trò gì? |

|  |
| --- |
| **PHT 02:**  **TÌM HIỂU VỀ LOẠI DỮ LIỆU VÀ CÁCH SẮP XẾP DỮ LIỆU TRONG VĂN BẢN THÔNG TIN**  (1) Dữ liệu được tác giả sử dụng là dữ liệu sơ cấp hay thứ cấp? Bạn cảm nhận như thế nào về mức độ chính xác, đáng tin cậy của dữ liệu?  (2) Phân tích và đánh giá cách trình bày dữ liệu của tác giả trong văn bản? |

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **\*Thao tác 1: Tìm hiểu đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  HS hoạt động cặp đôi, trả lời những câu hỏi sau:  (1) Xác định đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản.  (2) Nêu ý nghĩa nhan đề văn bản. Chỉ ra mối liên hệ giữa nhan đề với đề tài và thông tin cơ bản của văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận cặp đôi, suy nghĩ, trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV mời 1 – 2 cặp đôi trả lời.  - Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức  **\*Thao tác 2: Tìm hiểu thông tin, dữ liệu trong văn bản**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  HS hoạt động nhóm, hoàn thành nhiệm vụ sau:  - Nhóm 1, 2: Hoàn thành PHT 01 – mục *Lịch sử nhân loại trước khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống*. (Gợi ý: Tìm các thông tin về các sự kiện lịch sử nhân loại giai đoạn này và nhận xét chung về giai đoạn.)  - Nhóm 3, 4: Hoàn thành PHT 01 – mục *Lịch sử nhân loại sau khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu* (Gợi ý: Tìm các thông tin về vai trò của muối trong lịch sử nhân loại giai đoạn này và nhận xét chung về giai đoạn.)  Câu hỏi chung cho 4 nhóm: Trong tiến trình lịch sử được tóm lược như trên, theo tác giả, muối đóng vai trò gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận theo nhóm, hoàn thành PHT theo yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV mời 2 nhóm báo cáo.  - Các nhóm còn lại nhận xét. Bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức.  **\*Thao tác 3: Tìm hiểu loại dữ liệu và cách trình bày dữ liệu trong văn bản**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  HS thảo luận theo nhóm bàn hoàn thành PHT 02 theo từng dãy:  - Các nhóm bàn của dãy 1: Trả lời câu hỏi 1 của PHT 02.  - Các nhóm bàn của dãy 2: Trả lời câu hỏi 2 của PHT 02.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận theo nhóm bàn thực hiện yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV mời 1 - 2 nhóm báo cáo.  - Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức  **\*Thao tác 4: Tìm hiểu góc nhìn và quan điểm của tác giả về lịch sử**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  HS hoạt động cặp đôi, thảo luận trả lời câu hỏi:  + Góc nhìn và quan điểm của tác giả về lịch sử có gì độc đáo so với những văn bản lịch sử mình đã học hoặc thường gặp.  + Việc tiếp cận lịch sử dưới góc nhìn trên có ý nghĩa gì? Nêu ví dụ minh họa.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận theo cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV mời 1 - 2 cặp đôi báo cáo.  - Các cặp đôi còn lại nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức  \*GV mở rộng:  - Sự độc đáo trong góc nhìn và quan điểm của tác giả thể hiện ở chỗ: Các VB lịch sử thường ghi chép lại các sự kiện liên quan đến những bước ngoặt lớn của nhân loại: chiến tranh, cách mạng, phát triển địa lí, thành tựu khoa học,...đây được coi là những dấu mốc quan trọng để phân kì lịch sử. Còn trong VB, tác giả tiếp cận lịch sử nhân loại qua lịch sử của muối.  - Ví dụ minh họa về việc tiếp cận lịch sử qua góc nhìn lịch sử của muối: Khi nhìn nguyên nhân của các cuộc chiến tranh, khởi nghĩa, cách mạng và sự hình thành các triều đại mới do sự tranh giành gắt gao muối -> tác giả nhận ra sự phù phiếm của chiến tranh, bạo lực, xung đột và chất vấn những hình thái chính trị đương đại, khi nhận ra cuộc tranh giành dầu mỏ của các quốc gia đương đại cũng vô nghĩa chẳng khác nào cuộc trang giành muối trong lịch sử nhân loại. | **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản**  - ***Đề tài***: Lịch sử nhân loại  - Thông tin cơ bản: Lịch sử nhân loại gắn liền với hành trình đời muối: trước và sau khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống.  ***- Nhan đề:*** *Đời muối*  => Ý nghĩa nhan đề văn bản: Nhan đề gợi lên cho người đọc liên tưởng, muối cũng giống như con người có cuộc đời, có số phận và cuộc đời, số phận ấy cũng có sự tác động đến tiến trình phát triển chung cùng với các yếu tố khác của nhân loại. Đời muối chính là hành trình của muối từ khi xuất hiện cho đến khi nó tham gia vào tiến trình lịch sử trên tất cả các phương diện từ nông nghiệp, kĩ thuật công nghiệp, giao thông,…  => Nhan đề có liên quan chặt chẽ với đề tài và thông tin cơ bản của văn bản: Hành trình của muối gắn bó mật thiết với những thăng trầm của tiến trình lịch sử. Từ lịch sử của muối, ta có thể nhận ra những bài học quan trọng với thế giới đương đại.  **2. Thông tin, dữ liệu trong văn bản**  **a. Các thông tin, dữ liệu trong văn bản**  Căn cứ vào thời gian và tầm quan trọng của muối đối với đời sống của con người, tác giả đã tóm lược lịch sử nhân loại thành hai giai đoạn:  **\* Trước khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống:**  - Khoảng năm 11 000 trước Công nguyên, sau khi Kỉ Băng Hà kết thúc, con người kiểm soát được loài thú săn mồi hung dữ - loài sói A-xi-a-tích và biến nó thành một phụ tá đầy trung thành – loài chó; sau đó, kiểm soát được cừu và dê để chúng có thể trở thành một nguồn thức ăn mới.  - Đến khoảng năm 8900 trước Công nguyên, cừu được thuần hóa.  - Vào khoảng năm 8000 trước Công nguyên, gieo trồng hạt ngũ cốc hoang trên những cánh đồng.  - Khoảng năm 7000 trước Công nguyên, chăn nuôi lợn.  - Khoảng năm 6000 trước Công nguyên, thuần hóa những con bò rừng thành gia súc  - Khi chế độ ăn của con người chủ yếu bao gồm ngũ cốc và rau quả, được bổ sung thêm thịt động vật thì việc buôn bán muối trở thành thiết yếu -> Muối trở thành một trong những mặt hàng thương mại quốc tế đầu tiên, sản xuất muối trở thành một trong những ngành công nghiệp đầu tiên.  => Trước khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu, lịch sử nhân loại phát triển một cách chậm chạp, gắn với sự hình thành một cách dần dần của việc thuần hóa động vật hoang dã, trồng trọt và chăn nuôi.  **\* Sau khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống:**  - Từ công cuộc tìm kiếm muối: chế tạo ra những cỗ máy kì quặc nhất cũng như những cỗ máy tinh xảo và khéo léo nhất.  - Do nho cầu về vận tải muối: nhiều công trình công cộng vĩ đại từng được tạo ra.  - Do mục đích thương mại trao đổi hàng hóa; những tuyến đường trọng yếu được lập nên.  - Trong suốt chiều dài lịch sử loài người cho đến thế kỉ XX, muối được săn lùng, mua bán và tranh giành gắt gao.  - Trong hàng thiên niên kỉ, muối là biểu tượng của sự giàu có.  - Muối được dùng như một đơn vị tiền tệ.  => Việc tìm kiếm, sản xuất, buôn bán muối đã thúc đẩy công nghiệp, thương mại, giao thông, địa chất học, hóa học phát triển, tạo nên những thay đổi lớn trong các thể chế chính trị,…  => Từ cách tóm lược lịch sử này, tác giả đã khẳng định vai trò rất quan trọng của muối, cho rằng việc tìm kiếm, sản xuất, buôn bán muối là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của nhân loại, tác động mạnh mẽ đến tất cả các phương diện của đời sống con người.  **b. Loại dữ liệu trong văn bản**  Văn bản sử dụng nhiều dữ liệu thứ cấp, trong đó:  + Một số dữ liệu ghi rõ nguồn gốc, đảm bảo độ tin cậy thuyết phục: Trong chuyên luận năm 1776 về chủ nghĩa tư bản có tên *The Wealth of Nations,* A-đam Xmít đã chỉ ra rằng…  + Rất nhiều dữ liệu không ghi rõ nguồn hoặc ghi nhưng chưa thật sự đầy đủ, điều này làm giảm đi tính khả tín của văn bản:  ++ sự kiện Kỉ Băng Hà kết thúc vào khoảng năm 11 000 trước Công nguyên.  ++ sự kiện phụ nữ vùng Cận Đông bắt đầu gieo ngũ cốc vào khoảng năm 8000 trước công nguyên  ++ Tuy nhiên, vào năm 1970, một đoàn thám hiểm của Đại học Ha-oai…báo cáo rằng…(thông tin nguồn chưa đầy đủ, chưa ghi rõ báo cáo đấy trong tài liệu nào)  …  **c. Cách trình bày dữ liệu của tác giả trong văn bản**  - Các dữ liệu được sắp xếp theo trật tự thời gian, dưới dạng một câu chuyện:  + Tác giả thường mở đầu các đoạn văn bằng việc miêu tả bối cảnh: “khi các dòng sông băng tan chảy”, “sau khi kỉ Băng Hà kết thúc”;…  + Các nhân vật lần lượt hiện lên trong câu chuyện: “Trong khoảng thời gian này, sói A-xi-a-tích (Asiatic) […] dần dần bị con người kiểm soát”; “những cánh đồng ngũ cốc hoang dã rộng lớn dần xuất hiện”;…  + Các sự kiện cũng được sắp xếp theo chuỗi nhân quả, với những đoạn diễn tiến, thắt nút, mở nút, những tình tiết bất ngờ: “Và thế là, một kẻ thù nguy hiểm đã hóa thành một phụ tá trung thành và tận tâm – loài chó”.  + Lời kể chậm rãi, như lời kể trong các câu chuyện thần thoại, truyền thuyết: “Khoảng năm 11 000 trước Công nguyên, sau khi Kỉ Băng Hà kết thúc, những tảng băng khổng lồ bao phủ phần lớn thế giới […] bắt đầu thu hẹp lại và dần tan biến”; “Nhưng chẳng bao lâu sau, các bộ lạc sinh sống gần những cánh đồng này nhận ra rằng”;…  => Cách sắp xếp các dữ liệu lịch sử theo mô hình truyện kể này tạo nên sức hấp dẫn, sinh động cho văn bản, kích thích trí tưởng tượng của người đọc, khiến toàn bộ lịch sử nhân loại lần lượt hiện lên như trong một bộ phim, đồng thời cũng giúp người đọc dễ dàng nắm bắt và ghi nhớ những thông tin chính trong văn bản.  **3. Góc nhìn và quan điểm của tác giả về lịch sử**  - Tác giả đã nhìn lịch sử nhân loại dựa trên lăng kính quy chiếu là lịch sử của muối – một yếu tố được coi là không có ý nghĩa, giá trị gì trong dòng chảy lịch sử của nhân loại -> đây là một góc nhìn độc đáo về lịch sử so với các văn bản lịch sử thông thường.  - Khi quan sát lịch sử của nhân loại qua những thăng trầm trong số phận của muối, tác giả đã tạo ra một cách phân kì lịch sử khác, nhìn lịch sử nhân loại từ một góc độ khác, nhìn ra những quy luật khác của lịch sử và đặt ra. |

**2.3. Tổng kết**

**a. Mục đích:**HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:**HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

**c. Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nêu yêu cầu: Trong vòng một phút, hãy làm việc cặp đôi và ghi lại những nét đặc sắc nhất về nội dung; nghệ thuật của bài viết và trình bày trong 1 phút.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện theo cặp đôi. Ghi lại những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật  - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - Đại diện cặp đôi trình bày trong 1 phút.  - Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt kiến thức. | **III. TỔNG KẾT**  **1.** **Về nội dung**  Thông qua hành trình lịch sử của muối, tác giả thể hiện một góc nhìn độc đáo về lịch sử nhân loại. Từ đó, cho thấy vai trò quan trọng, thiết yếu của muối đối với đời sống con người, cũng như đặt ra những chất vấn khác về các vấn đề khác của lịch sử.  **2. Về nghệ thuật**  - Ngôn ngữ khoa học, chính xác: Văn bản sử dụng ngôn ngữ khoa học, chính xác để trình bày những kiến thức về lịch sử, địa lý, khảo cổ học.  - Các thông tin được sắp xếp theo một trình tự hợp lý, từ quá khứ đến hiện tại, từ khái quát đến chi tiết.  - Cách kể chuyện hấp dẫn, lôi cuốn. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: HS tham gia trả lời câu hỏi, củng cố kiến thức bài học

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

**Câu 1:** Theo bạn, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua văn bản?

**Câu 2:** Nếu cần bổ sung phương tiên phi ngôn ngữ để tăng sức thuyết phục của văn bản, bạn sẽ bổ sung phương tiện nào? Lí giải về sự lựa chọn đó.

**Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ. GVquan sát, điều hành lớp.

**Bước 3 – 4.** GV mời 1 – 2 HS trả lời và GV kết luận.

**Dự kiến sản phẩm:**

**Câu 1: Văn bản gợi đến cho chúng ta một số thông điệp sau:**

- Từ vai trò thiết yếu của muối – một sản phẩm nhỏ bé nhưng vô cùng thiết yếu của thế hệ trước để lại, chúng ta cần trân trọng những giá trị văn hóa và biết ơn những thế hệ đi trước đã tạo dựng cuộc sống tốt đẹp cho chúng ta.

- Truy cầu tiền tài vật chất đến lúc nào đó sẽ trở thành nỗi ám ảnh không có thực, chỉ có tình yêu là bền vững theo năm tháng, Vì vậy hãy trân trọng tình yêu thương – giá trị vững bền trong cuộc sống mỗi con người.

**Câu 2: HS có thể lựa chọn bổ sung các phương tiện phi ngôn ngữ:**

- Sơ đồ biểu thị tiến trình lịch sử của nhân loại theo trật tự thời gian.

- Hình ảnh cho các thông tin tiêu biểu về hành trình đời muối.

- Có thể sử dụng số liệu, đặc biệt trong các thông tin về vai trò, giá trị của muối. Ví dụ số liệu về công trình công cộng, tuyến đường quan trọng nhờ công cuộc tìm kiếm, trao đổi muối; số liệu cụ thể về số lương được trả bằng muối,…

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**:HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

**b. Nội dung**: Thực hiện bài tập vận dụng.

**c. Sản phẩm**: Bày tỏ quan điểm suy nghĩ của bản thân

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**GV nêu yêu cầu:** Thời nay, nhân loại không còn xung đột với nhau vì tranh giành muối, nhưng vẫn còn rất nhiều cuộc chiến tranh và xung đột xảy ra nhằm tranh giành kim cương, dầu mỏ, đất hiếm, nguồn nước..Bạn nghĩ gì về vấn đề này? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc, cảm nhận, suy nghĩ để trả lời

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi từ 2-3 HS chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ của bản thân

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

**Rubric đánh giá đoạn văn**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** |
| **Hình thức** | - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ) | **0,5** |
| **Nội dung** | Trình bày suy nghĩ của bản thân về cuộc chiến tranh và xung đột xảy ra nhằm tranh giành kim cương, dầu mỏ, đất hiếm, nguồn nước… | |
| Giới thiệu vấn đề | **1** |
| Trình bày cụ thể về vấn đề, có thể tham khảo một vài gợi ý sau:  *+ Khái quát về những cuộc chiến tranh giành kim cương, dầu mỏ, đất hiếm…(cuộc chiến giành quyền kiểm soát dầu mỏ trong thế chiến thứ 2 tại Nhật Bản; cuộc Mỹ khởi xướng chống I-rắc; tranh giành nguồn kim cương ở châu Phi;…=> Nguyên nhân của những cuộc chiến này là truy cầu tiền tài, vật chất)*  *+ Tác hại của những cuộc chiến tranh gây ra: Dân càng nghèo đói, khổ cực; thiệt hại về cơ sở vật chất, kinh tế, mạng người; mối quan hệ giữa các quốc gia căng thẳng gây ảnh hưởng đến hòa bình thế giới…*  *+ Quan điểm của bản thân bạn? (Tôn trọng hòa bình, tình yêu thương là giá trị đích thực, bền vững; truy cầu tiền tại vật chất chỉ như những ảo ảnh không có thực)*  *+ Bài học: Mỗi người trẻ cần góp phần vào nền hòa bình chung của thế giới bằng cách nhận thức đúng về tác hại của những cuộc chiến tranh, nhận thức đúng về quy luật của lịch sử và chung tay vào những hành động vì một thế giới hòa bình.* | **6** |
| Khẳng định, khái quát vấn đề | **1** |
| **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | **0,5** |
| **Sáng tạo** | Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,... | **1,0** |

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Tìm đọc các tác phẩm viết về lịch sử của Mác Kơ-len-xki

- Chuẩn bị: Tiếng việt

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung module được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

**RÚT KINH NGHIỆM**

**Tiết:86 Thực hành tiếng việt**

**TÔN TRỌNG VÀ BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **thực hành Tiếng Việt, giúp HS:**

- HS phân tích được bản chất của quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là quyền tác giả và tầm quan trọng của việc tôn trọng, bảo vệ quyền tác giả.

- HS trình bày được một số quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền tác giả và biết vận dụng vào học tập, nghiên cứu để tránh đạo văn.

**2. Phẩm chất:** Có ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Ti vi (hoặcmáy chiếu), máy tính, Giấy A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, STK, kế hoạch bài dạy, rubric đánh giá.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

- Kết nối tri thức

- Tạo hứng thú

- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

**b. Nội dung hoạt động:** HS nghe hát, trả lời câu hỏi kết nối vào bài học

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS xem video về các vụ án xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nổi bật nhất ở Việt Nam:  <https://www.youtube.com/watch?v=j_fDPo6ZXwg>  GV đặt câu hỏi:  Video nói về vấn đề gì? Em rút ra được bài học sau khi xem video clip?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, sắp xếp theo yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  GV gọi 1 -2 HS trả lời  HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **-** GV nhận xét, đánh giá câu trả lời.  - GV dẫn vào bài: *Sở hữu trí tuệ ngày càng đóng vai trò hết sức quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong xu thế hội nhập sâu rộng và toàn diện như hiện nay. Thậm chí việc thực hiện nghiêm túc bảo hộ sở hữu trí tuệ được coi là điều kiện cần thiết, tối thiểu mỗi khi hợp tác với quốc gia khác hoặc hội nhập quốc tế. Không có điều khoản về bảo hộ sở hữu trí tuệ hoặc thực thi kém sẽ dẫn đến việc bị loại bỏ khỏi cuộc chơi trong hội nhập quốc tế. Vậy tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là gì? Có những quy định nào về tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ? Để trả lời những câu hỏi đó, cô trò chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay: Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.* | - Video clip nói về những vụ án xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nổi bật nhất ở Việt Nam. Qua đó, chúng ta thấy được tầm quan trọng của quyền sở hữu trí tuệ.  - Bài học cần hiểu rõ về quyền sở hữu trí tuệ để bảo vệ quyền lợi của bản thân và tránh xâm phạm đến những sản phẩm trí tuệ của người khác. |

1. **HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH**

**2.1 Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**

**a. Mục tiêu**: HS nhận biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và một số quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

**b. Nội dung**: HS đọc sách sgk, thực hiện yêu cầu.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS HĐ nhóm bàn: Đọc lại phần tri thức Ngữ văn (tr. 64; tr. 78, 79 - sgk và trả lời các câu hỏi sau:  - Nêu khái niệm quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, đạo văn? Lí do phải tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.  - Nêu một số quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm bàn thành thành nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 1 - 2 nhóm bàn trả lời.  - Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | 1. **TRI THỨC TIẾNG VIỆT**   **1. Một số khái niệm có liên quan đến tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ**  - Tôn trọng kết quả lao động sáng tạo của người khác va biết cách tiếp thu, kế thừa kết quả đó trong sản phẩm trí tuệ của mình theo đúng quy định và thông lệ quốc tế là yêu cầu bắt buộc trong học tập và nghiên cứu => Ý nghĩa: góp phần tạo nên những sản phẩm sáng tạo và bồi dưỡng cho người học, người nghiên cứu tính trung thực, niềm say mê tìm tòi, khám phá cái mới.  - Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.  - **Quyền tác giả:**là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.  => Phạm vi bài học sẽ tập trung vào quyền tác giả.  - Đạo văn có thể hiểulà chiếm hữu một cách sai trái, ăn cắp, công bố ngôn ngữ, suy nghĩ, ý tưởng, hay cách diễn đạt của người khác và xem chúng như là những gì do mình tự tạo ra.  **2. Một số quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ**  - Có sự khác biệt đáng kể trong cách nhìn nhận về vấn đề ý tưởng, câu chữ của người đi trước ở những bối cảnh văn hóa khác nhau:  + Trước khi văn học hiện đại hình thành, việc người viết đưa một ý văn, ý thơ hoặc một tác phẩm văn học khác vào sáng tác của mình được chấp nhận rộng rãi.  + Ngày nay, tất cả những gì được kế thừa của người khác, từ ý tưởng, thông tin đến cách diễn đạt đặc thù, có tính cá biệt, đều phải được dẫn nguồn.  + Tuy nhiên, có những tri thức phổ quát, được mặc định là tài sản chung của cộng đồng hay nhân loại thì khi dùng không cần phải chú nguồn. Ví dụ: *Trái Đất quay xung quanh mặt trời; Văn học là nghệ thuật của ngôn từ,…*  - Khi trích dẫn trực tiếp và đặt phần trích dẫn trong ngoặc kép, cần dẫn đúng nguyên văn kể cả khi có những ý tưởng, thông tin, cách diễn đạt trong văn bản gốc bị coi là sai. Người viết có thể dùng cước chú để thuyết minh về ý tưởng, thông tin, cách diễn đạt bị coi là sai đó hoặc dùng kí hiệu [sic], một từ trong tiếng La-tinh có nghĩa là “nguyên văn như vậy”. Nếu có phần nào đó bị cắt thì cần đánh dấu chỗ bị cắt bằng kí hiệu [...].  - Ngoài trích dẫn trong phần chính của văn bản, việc sử dụng kết quả lao động sáng tạo của người khác có thể được thể hiện qua cước chú. Với một số kiểu văn bản như báo cáo nghiên cứu, bài đăng ở tạp chí chuyên ngành, luận văn, luận án, sách chuyên khảo,... còn có phần *Tài liệu tham khảo*, thường được đặt sau văn bản, liệt kê các công trình mà người viết tham khảo với đầy đủ thông tin về tác giả, tên công trình, nhà xuất bản, năm xuất bản. |

**2..2 Thực hành, luyện tập**

**a. Mục tiêu**:

- HS nhận biết và phân tích được cách trích dẫn đúng để tránh đạo văn.

- HS nêu được quan điểm của mình về vấn đề đạo văn nói riêng và việc tôn trọng, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nói chung.

**b. Nội dung**: HS làm BT.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* NV1: Thực hiện BT1, 2, 3 (tr. 78 – 79, sgk)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 3 nhóm, đại diện nhóm lên bốc thăm phần việc (tương ứng với 3 bài tập trong sgk):  + Bài tập 1 (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr.78)  + Bài tập 2 (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr. 78, 79)  + Bài tập 3 (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr.79)  - **GV lưu ý:**  + Các nhóm thảo luận phần việc đã bốc thăm được.  + Sau 5 phút thảo luận, mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm hoàn thành thành nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm học tập  - Các nhóm nhận xét, bổ sung để được ghi điểm.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức kiến thức. | **Bài tập 1. Gợi ý:**  **+** Nhiều truyện thơ Nôm của Việt Nam như *Phan Trần* (khuyết danh), *Hoa tiên* (Nguyễn Huy Tự), *Ngọc Triều Lê tân truyện* (Lý Văn Phức), *Tì bà quốc âm tân truyện* (Kiều Oánh Mậu),…đều mượn cốt truyện từ văn học Trung Quốc.  + *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) mượn cốt truyện của *Kim Vân Kiều truyện* (Thanh Tâm Tài Nhân – Trung Quốc)  *+ Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn mượn ý của Vương Duy trong thơ Đường: “Hôm qua tiễn biệt Trường An, hôm nay đã đến Lạc Dương” để nói về việc người chinh phụ tiễn chồng ra chiến trường.  **Bài tập 2.**  Các dấu hiệu cho thấy người viết có ý định tuân thủ quy định về trích dẫn:  + Sử dụng các dấu câu quen thuộc đánh dấu lời dẫn trực tiếp là dấu hai chấm và dấu ngoặc kép. Ngoài ra còn có dấu ngoặc vuông và dấu ba chấm trong ngoặc vuông đánh dấu phần bị lược đi trong đoạn trích.  + Người viết còn ghi rõ nguồn đoạn trích dẫn: nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Mạnh đánh giá về Nguyễn Tuân.  **Bài tập 3.** Có thể tham khảo đoạn dùng cách dẫn gián tiếp sau:  a. Trong *Yêu và đồng cảm*, Phong Tử Khải cho rằng con người vốn là nghệ thuật, vốn giàu lòng đồng cảm. Khi lớn lên, họ bị dòng đời xô đẩy, dồn ép nên tấm lòng ấy mới bị cản trở hoặc hao mòn. Nếu những người trong hoàn cảnh đó vẫn giữ được lòng đồng cảm đáng quý thì họ chính là nghệ sĩ.  b. Trong *Cộng đồng và cá thể,* Anh-xtanh quan niệm rằng, mỗi cá thể đơn lẻ sáng tạo, có suy nghĩ và phán xét độc lập để tạo ra những giá trị mới cho xã hội và khiến xã hội phát triển lên cao. Nhưng một cá thể đơn lẻ sẽ không thể phát triển nếu như thiếu cộng đồng. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**:HSvận dụng được kiến thức trong bài học để nêu quan điểm của mình về vấn đề đạo văn.

**b. Nội dung**: Thực hiện bài tập vận dụng.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV nêu yêu cầu:** (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr.79)Nêu quan điểm của bạn về vấn đề đạo văn. Tự nhận xét về việc bản thân sử dụng ý tưởng của người khác khi thực hiện các bài viết trong quá trình học tập.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân khoảng 10 phút.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi 2-3 nêu ý kiến trước lớp.

- Các HS khác phản biện hoặc nêu ý kiến.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV nhận xét, đánh giá.

**Dự kiến sản phẩm:**

- Quan điểm về đạo văn:

+ Đạo văn cũng là hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ và vi phạm chuẩn mực đạo đức của mỗi người.

+ Đạo văn có thể là lỗi vô tình do người viết thiếu hiểu biết về những quy định liên quan đến việc sử dụng ý tưởng, thông tin của người khác và có thể là lỗi cố ý

* Xét về phương diện đạo đức thì lỗi vô tình được coi là nhẹ hơn nhưng hậu quả thì đều như nhau.

+ Việc đạo văn đều bị xử lí dù là nặng hay nhẹ tùy vào bộ luật sở hữu trí tuệ của từng quốc gia. Tuy nhiên, việc tôn trọng và bảo vệ quyền tác giả nói riêng và quyền sở hữu trí tuệ nói chung ngày càng cần được đề cao.

- Tự nhận xét về việc bản thân sử dụng ý tưởng của người khác khi thực hiện các bài viết trong quá trình học tập: Trước đây, do chưa có sự hiểu biết về việc sử dụng ý tưởng của người khác nên đã vô tình sử dụng ý tưởng đó chưa đúng quy định. Sau khi tìm hiểu và biết rõ về hành vi này, tôi đã có ý thức hơn trong việc sử dụng ý tưởng, thông tin của người khác.

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2.

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung module đã được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

**RÚT KINH NGHIỆM**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Trần Thị Chung, 0915250563 trường THCS Hàn Thuyên Nam Định

**VIẾT**

**Tiết: 87,88**

**VIẾT THƯ TRAO ĐỔI VỀ CÔNG VIỆC HOẶC MỘT VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **viết, giúp HS:**

- Nhận biết được yêu cầu, quy trình viết thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm.

- Viết được thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm

**2. Phẩm chất:** Có ý thức chia sẻ, trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Ti vi (hoặcmáy chiếu), máy tính, Giấy A0, hộp giấy hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

- Kết nối tri thức

- Tạo hứng thú

- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

**b. Nội dung hoạt động:** HS tham gia trò chơi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**- HS đọc đoạn trích sau:**

*Rovaniemi, ngày 24 tháng 12 năm 2023*

***Gửi Ông Tổng giám đốc UPU năm 2174!***

*Lời đầu tiên, chúc ông Giáng sinh an lành và năm mới hạnh phúc! Tôi chưa hình dung hết ông là ai, nhưng tôi tin tưởng rằng, ông vẫn là người thuyền trưởng tài ba chèo lái con thuyền Bưu chính thế giới với sứ mệnh phục vụ tận tâm và bền bỉ các thế hệ người dân toàn cầu. Đó là lý do tôi viết lá thư này gửi tới ông.*

*Tôi là Pulattie, 72 tuổi, từng là giáo viên trung học tại Texas. Sau khi nghỉ hưu, tôi học tại Trường Charles W.Howard Santa Claus, trường đào tạo Ông già Noel. Hiện tôi làm việc tại Bưu điện ở ngôi làng Ông già Noel, Rovaniemi, Lapland, Phần Lan, nằm trong Vòng Bắc cực. Công việc của tôi bận rộn quanh năm, nhưng tôi rất hạnh phúc. Mỗi năm chúng tôi nhận hàng triệu bức thư của trẻ em khắp thế giới. Tôi đọc không sót bức nào, sau đó viết thư hồi âm và gửi những món quà từ các tổ chức từ thiện đến trẻ em* *dịp Noel. Tôi vừa là người nhận thư, vừa đưa thư trong vai Ông già Noel đã hơn 10 năm, và tôi cảm nhận ý nghĩa cuộc sống qua từng lá thư nhỏ.*

*Ông à, tôi chọn công việc này khi đọc bức thư của bé Virginia O'Hanlon, 8 tuổi ở Manhattan, New York gửi tờ The Sun năm 1897: “Xin hãy cho cháu biết sự thật: Có Ông già Noel không?". Biên tập viên Francis đã viết thư trả lời: “Virginia, ông già Noel có thực, cũng như tình yêu và lòng quảng đại luôn hiện diện quanh ta, nhờ đó cuộc sống của chúng ta được vui tươi, hạnh phúc. Nếu không có ông già Noel thì thế giới ảm đạm biết bao, cuộc sống sẽ chẳng có những tâm hồn trẻ thơ, chẳng có thi ca, lãng mạn. Con người chỉ là những cỗ máy khô khan. Ánh sáng niềm tin và hy vọng của trẻ em khắp thế giới cũng sẽ tiêu tan. Ông già Noel vẫn sẽ sống mãi. Hàng trăm nghìn năm sau, ông vẫn sẽ tiếp tục mang đến niềm vui và hạnh phúc cho những tâm hồn trẻ thơ khắp hành tinh này". Lá thư truyền cảm hứng cho tôi trở thành một Ông già Noel mang thông điệp hạnh phúc đi khắp thế giới.*

*[…] Tôi hình dung 150 năm tới, khi nhân loại dùng thư điện tử và nhiều phương tiện liên lạc hiện đại khác, thì tất cả các bưu cục toàn thế giới sẽ vẫn có hòm thư tay miễn phí cho trẻ em, khi viết thư gửi Ông già Noel. Mỗi nước có một trụ sở nhận thư, gửi thư và quà như tại làng Ông già Noel này. Tôi ước ao sẽ có nhiều trường đào tạo Ông già Noel, để những người yêu trẻ học cách mang đến hạnh phúc cho trẻ. Đặc biệt nhất, để những lá thư, món quà mà trẻ em mong đợi đến đúng vào Giáng sinh trên toàn thế giới, tôi mơ về một hình thức chuyển thư, quà tự động được lập trình sẵn nhưng cũng rất lãng mạn: một cỗ xe tuần lộc đưa Ông già Noel bay trong không trung, sáng rực rỡ trong đêm, và những món quà sẽ được Ông trao tận tay cho từng đứa trẻ trong tiếng cười reo, tiếng cảm ơn líu lo của con trẻ.*

*Ông Tổng giám đốc UPU năm 2174 yêu mến, giấc mơ của tôi chắc chắn sẽ thành hiện thực, vì tôi tin ông sẽ làm được, và cũng tin rằng dù thế giới có phát triển như thế nào thì “Ông già Noel vẫn sẽ sống mãi, vẫn tiếp tục mang niềm vui và hạnh phúc cho những tâm hồn trẻ thơ trên khắp hành tinh này”!*

*Có người đã từng nói: “Nơi lạnh nhất không phải là Bắc Cực mà là nơi thiếu vắng tình yêu thương”. Bắc Cực không lạnh khi có ngôi làng của sự kết nối đầy ấm êm và thương mến như vậy!*

*Mong lá thư sẽ đến được với ông và giấc mơ hạnh phúc của trẻ thơ sẽ thành hiện thực. Gửi đến ông một cái ôm ấm áp!*

*Ông già Noel ở Rovaniemi*

***Pulattie***

- Đoạn trích trên được trích trong bức thư đạt giải nhất cuộc thi viết thư quốc tế UPU lần thứ 53 (2024) của em Nguyễn Đỗ Quang Minh (lớp 9 trường THCS -THTP Nguyễn Khuyến, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng). Sau khi đọc bức thư, bạn hãy trả lời câu hỏi sau: Bức thư trên viết về điều gì? Nhận xét về hình thức của một bức thư?

**Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo**

- HS đọc, suy nghĩ, trả lời cá nhân

- HS khác nhận xét, bổ sung

**Dự kiến sản phẩm:**

- Bức thư viết về vấn đề: trẻ em thiếu tình thương và khao khát có nơi để gửi gắm tình thương.

- Hình thức một bức thư: Địa chỉ và thời gian viết thư, người nhận thư, lời thăm hỏi sức khỏe, lí do viết thư; nêu và trình bày vấn đề cần trao đổi; chia sẻ mong muốn của người viết; người nhận thư.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

**-** GV nhận xét, đánh giá và dẫn dắt vào bài mới.

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu được yêu cầu của kiểu bài viết thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân  - GV giao nhiệm vụ: Đọc mục *Tri thức Ngữ văn* trong sgk, tr. 64; mục Y*êu cầu* trong sgk, tr.80, kết hợp với sự hiểu biết của bản thân, trả lời câu hỏi: Thư từ là gì? Bài viết thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm cần đảm bảo những yêu cầu gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ cá nhân, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 1 -2 HS trả lời, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt kiến thức. | **I. Tri thức về kiểu bài viết**  **1. Khái niệm**  Thư từ (nói chung) là hình thức VB đặc biệt, có đối tượng tiếp nhận cụ thể theo các mức độ khác nhau, được dùng với nhiều mục đích khác nhau: bảy tỏ tình cảm, chia sẻ trải nghiệm, cung cấp thông tin, thuyết phục hay thể hiện sự đồng tình của người đọc về vấn đề…  **2. Yêu cầu**  - Xác định rõ đối tượng nhận thư (cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức).  - Thể hiện rõ mục đích viết thư và vấn đề chính được trình bày, trao đổi, bàn luận trong thư.  - Trình bày tường minh, mạch lạc các thông tin (nếu mục đích chủ yếu là cung cấp thông tin) hoặc triển khai các nội dung phù hợp để khẳng định một quan niệm hay sự cần thiết phải tiến hành công việc hay hoạt động (nếu mục đích chủ yếu là thuyết phục).  - Sử dụng ngôn ngữ (gồm cả từ ngữ xưng hô) phù hợp với mục đích viết thư với mục đích viết thư và người nhận.  - Sử dụng yếu tố bổ trợ để đạt được mục đích viết một cách hiệu quả. |

**2.2 Phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** HS phân tích được các yêu cầu của bài viết tham khảo.

**b.** **Nội dung hoạt động**: GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo, thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi HS đọc bài viết tham khảo theo các thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản.  - HS thảo luận cặp đôi thực hiện các yêu cầu sau:  1. Giữa người viết thư và người nhận thư có mối quan hệ gì? Quan hệ đó thể hiện như thế nào qua ngôn ngữ được dùng trong thư? Người nhận thư có đặc điểm gì đáng chú ý?  2. Bức thư này được viết nhằm mục đích gì? Thư trao đổi, bàn luận về vấn đề gì?  3. Phần mở đầu thư có gì đáng chú ý? Nội dung tiếp theo của bức thư triển khai theo trình tự nào? Trình tự đó có liên quan như thế nào với mục đích viết thư?  4. Người viết dùng những yếu tố bổ trợ nào để thuyết phục người đọc về vấn đề được bàn đến trong thư?  5. Qua bức thư tham khảo, em rút ra được kinh nghiệm gì khi viết thư?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nối tiếp nhau đọc văn bản.  - Thảo luận cặp đôi 5 câu hỏi SGK khoảng 5 phút.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | 1. **Phân tích bài viết tham khảo**   **Đọc bài viết tham khảo (sgk, tr.80, 81, 82, 83) và thực hiện các yêu cầu:**  (1) - Người viết thư và người nhận thư là chị em ruột trong cùng một nhà.  – Ngôn ngữ thể hiện: *Ma-két-ta yêu quý; Em có khoẻ không?; Lâu lắm rồi em không về Phri-đéc thăm nhà; Kể cho chị nghe về* *Luân Đôn;…*  - Người nhận đang đi học ở Luân Đôn, một nơi xa nhà; lâu rồi chưa về thăm nhà.  (2) Mục đích viết thư là để trao đổi, bàn luận về sự việc: Tình trạng bất công với những người lao động ở châu Phi.  3. - Phần mở đầu thư bằng cách hỏi thăm về sức khoẻ, công việc đầy thân mật. Sau đó, nêu sự việc bằng cách gây tò mò cho người đọc: sự việc đúc kết một kinh nghiệm: “trông người mà nghĩ đến ta”.  - Các sự việc tiếp theo được trình bày theo trình tự thời gian, liên quan đến câu chuyện mà người chị kể. Mở đầu là câu chuyện về thanh sô-cô-la người chị được người em tặng. Từ khẩu hiệu quảng cáo trên thanh sô-cô-la, người chị trao đổi về vấn đè tình trạng bất công với những người lao động ở châu Phi. Tiếp theo, người viết khẳng định quan điểm của mình, chia sẻ, tình cảm, cảm xúc và thuyết phục người nhận thư đồng tình với quan điểm của mình.  => Trình tự này có liên quan chặt chẽ đến mục đích viết thư.  4. Yếu tố bổ trợ để thuyết phục người đọc: tự sự, biểu cảm. Những yếu tố này làm cho bức thư thêm lôi cuốn, hấp dẫn và thuyết phục người đọc về vấn đề đặt ra.  5. Kinh nghiệm của HS rút ra từ bức thư.  - Xác định người nhận thư và mục đích viết thư.  - Xác định vấn đề cần trao đổi, bàn luận.  - Chọn trình tự viết thư hợp lí, thuyết phục.  - Có thể sử dụng các yếu tố bổ trợ như: tự sự, biểu cảm để làm bức thư thêm lôi cuốn, hấp dẫn, thuyết phục. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**:

- HS xác định được các bước trong quy trình viết thư trao đổi về công việc hoặc vấn đề đáng quan tâm

- HS thực hành các bước để viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

**b. Nội dung**: HS thực hành viết theo các bước.

**c. Sản phẩm**: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. Thực hành viết**  **1. Các bước thực hành viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu vấn đề: Các em thực hiện nhiệm vụ theo bàn: đọc SGK, thực hiện các yêu cầu trong bảng kiến thức sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Các bước** | **Nội dung** | | | | Chuẩn bị viết |  | | | | Tìm ý, lập dàn ý | Tìm ý |  | | | Lập dàn ý | MB |  | | TB |  | | KB |  | | Viết |  | | | | Chỉnh sửa, hoàn thiện |  | | |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS chia sẻ câu trả lời.  - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  **2. Thực hành viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu đề bài:  Một bộ phậngiới trẻ hiện nay dễ bị cuốn hút bởi văn hóa ngoại lai dẫn đến việc xem nhẹ hoặc thậm chí nhận thức sai lệch về văn hóa truyền thống.  Anh/Chị hãy viết một bức thư (khoảng 600 chữ) gửi cho một người bạn để trao đổi về vấn đề trên.  - HS viết bài văn hoàn chỉnh  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đọc bài viết trước lớp  - HS khác bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá bài viết theo rubric và dàn ý tham khảo. | **II. Thực hành viết**  **1. Các bước thực hành viết**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Các bước** | **Nội dung** | | | | Chuẩn bị viết | **Lựa chọn một trong các gợi ý sau để làm đề tài viết:**  - Viết thư gửi người thân hoặc bạn bè để trao đổi, mong người nhận đồng tình với mình về một vấn đề nào đó trong công việc, cuộc sống.  - Gửi một nhà thơ, nhà văn chia sẻ điều bạn nghĩ về một vấn đề văn học.  - Bạn cũng có thể viết thư gửi đến một công ti để xin tài trợ trang thiết bị học tập cho học sinh vùng khó khăn. | | | | Tìm ý, lập dàn ý | Tìm ý | **Trả lời câu hỏi:**  - Người nhận thư là ai và có quan hệ như thế nào với người viết thư? Người nhận thư có những đặc điểm gì?  - Thư trao đổi công việc hay vấn đề gì và nhằm mục đích gì?  - Nội dung của bức thư triển khai theo trình tự nào? Trình tự đó có liên quan như thế nào với mục đích viết thư?  - Để phục vụ cho mục đích chủ yếu, người viết cần dùng những yếu tố bổ trợ nào? | | | Lập dàn ý | MB | Nêu được công việc hay vấn đề cần trao đổi. Với một văn bản thư không đòi hỏi tính chất nghi thức, có thể bắt đầu bằng một vài ý thăm hỏi thân tình. | | TB | - Triển khai các nội dung phù hợp với mục đích viết thư.  - Sử dụng các yếu tố bổ trợ tùy thuộc vào tính chất của bức thư: thân mật hay trang trọng. | | KB | Nêu lại công việc hoặc vấn đề cần trao đổi dưới hình thức tóm tắt và thể hiện mong muốn được người nhận thư chia sẻ, đồng tình, ủng hộ. | | Viết | - Dựa vào dàn ý để triển khai bài viết.  - Lưu ý:  + Tùy vào mục đích viết thư và mối quan hệ giữa người viết và người nhận để sử dụng ngôn ngữ phù hợp.  + VB thư cần thể hiện tâm huyết, sự chân thành và những suy nghĩ có chiều sâu của người viết. | | | | Chỉnh sửa và hoàn thiện | Đọc kĩ bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để chỉnh sửa, hoàn thiện. | | |   **2. Thực hành viết**  Sản phẩm: Bài viết của HS |

**Bảng kiểm kĩ năng viết thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Phần mở bài | Nêu được công việc hay vấn đề cần trao đổi. |  |  |
| Phần thân bài | Phần nội dung có nêu luận điểm đầy đủ, chặt chẽ của bài viết không? |  |  |
| Bức thư đủ ý. Các luận điểm, luận cứ phù hợp với vấn đề nghị luận nêu trong đề. |  |  |
| Các lí lẽ và bằng chứng sinh động, đặc sắc, giàu sức thuyết phục. |  |  |
| Phát biểu được những suy nghĩ và cảm xúc cá nhân sâu sắc. |  |  |
| Phần kết bài | Nêu lại công việc hoặc vấn đề cần trao đổi dưới hình thức tóm tắt và thể hiện mong muốn được người nhận thư chia sẻ, đồng tình, ủng hộ. |  |  |
| **Kĩ năng, trình bày diễn đạt** | Bài viết có đủ ba phần và nội dung (độ dài) các phần cân đối. |  |  |
| Đã kết hợp được các phương thức biểu đạt và các thao tác nghị luận. |  |  |
| Đảm bảo chính tả, dùng từ và diễn đạt. |  |  |
| Sử dụng các từ ngữ, câu văn để liên kết các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ. |  |  |

**Phiếu đọc – nhận xét bài viết (đánh giá chéo theo cặp đôi)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Bố cục | Không đầy đủ. | Đủ 3 phần nhưng trình bày chưa rõ ràng. | Đầy đủ 3 phần, trình bày rõ ràng. |
| Lí lẽ, lập luận | Lí lẽ sơ sài, thiếu nhiều ý.  Lập luận không thuyết phục. | Lí lẽ chưa được đầy đủ.  Lập luận còn chưa thuyết phục ở một số chỗ. | Lí lẽ đầy đủ, lập luận thuyết phục. |
| Bằng chứng được trích dẫn | Chưa có bằng chứng. | Ít bằng chứng;  Bằng chứng trích dẫn chưa chính xác. | Bằng chứng được trích dẫn chính xác, phong phú. |
| Màu sắc, cá tính, giọng văn | Chưa có giọng điệu riêng. | Có giọng điệu nhưng chưa độc đáo, rõ nét. | Độc đáo, có giọng điệu riêng. |
| Lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt | Mắc nhiều lỗi. | Còn mắc một số lỗi. | Không mắc lỗi. |
| Ý kiến của người đánh giá | …………………………………………………….. | | |
| Câu hỏi dành cho người viết (nếu có) | …………………………………………………….. | | |

**DÀN Ý THAM KHẢO**

|  |
| --- |
| **ĐỀ BÀI**  Một bộ phậngiới trẻ hiện nay dễ bị cuốn hút bởi văn hóa ngoại lai dẫn đến việc xem nhẹ hoặc thậm chí nhận thức sai lệch về văn hóa truyền thống.  Anh/Chị hãy viết một bức thư (khoảng 600 chữ) gửi cho một người bạn để trao đổi về vấn đề trên. |

**DÀN Ý**

**1. Mở bài:**

- Nêu địa điểm, thời gian, danh tính người nhận, lời chào mở đầu.

- Nêu rõ công việc hay vấn đề cần trao đổi: Ngày càng nhiều bạn trẻ chúng mình bị cuốn hút bởi văn hóa nước ngoài đến vậy; nhiều bạn chỉ thích nghe nhạc nước ngoài, xem phim nước ngoài, mặc quần áo theo phong cách Hàn Quốc, Nhật Bản...; không phủ nhận những giá trị tích cực mà văn hóa ngoại lai mang lại, nhưng cũng lo lắng rằng chúng ta đang dần quên đi những giá trị truyền thống của dân tộc mình.=> Viết thứ trao đổi với **mong muốn được cùng chia sẻ những suy nghĩ về vấn đề này; cùng nhau tìm ra giải pháp để giữ gìn những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.**

**2. Thân bài**: Trình bày các vấn đề cần trao đổi:

- Nguyên nhân của việc một bộ phậngiới trẻ hiện nay dễ bị cuốn hút bởi văn hóa ngoại lai dẫn đến việc xem nhẹ hoặc thậm chí nhận thức sai lệch về văn hóa truyền thống: Sự hấp dẫn của văn hóa ngoại lai (Sự mới lạ, hiện đại, sành điệu của văn hóa nước ngoài; Ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông, mạng xã hội.); sự thiếu hiểu biết về văn hóa truyền thống (Thiếu sự quan tâm, tìm hiểu về lịch sử, văn hóa dân tộc; ảnh hưởng của lối sống hiện đại, quá chú trọng vào việc học hành, công việc).

- Hiện tượng một bộ phậngiới trẻ hiện nay dễ bị cuốn hút bởi văn hóa ngoại lai dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng: Làm mai một những giá trị truyền thống tốt đẹp; dễ bị đồng hóa, mất đi nét riêng của dân tộc; ảnh hưởng đến nhận thức của bản thân về dân tộc; dễ bị tác động bởi những tư tưởng tiêu cực từ bên ngoài.

- Đề xuất giải pháp: Tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật dân gian; xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thông về lịch sử, văn hóa; tìm hiểu về lịch sử, văn hóa dân tộc; bảo tồn và phát huy những sản phẩm văn hóa truyền thống…

- Nêu những ý kiến, quan điểm khác nhau xung quanh vấn đề:

+ Việc tiếp thu những tinh hoa của văn hóa nhân loại là điều cần thiết để phát triển.

+ Chúng ta có thể vừa tiếp thu tinh hoa của văn hóa nước ngoài vừa giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

**3. Kết bài:**

- Mong muốn người nhận thư chia sẻ về vấn đề sự ảnh hưởng của văn hóa ngoại lai đến giới trẻ hiện nay.

- Lời chào tạm biệt, danh tính của người viết thư.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Viết được một bức thư trao đổi trong công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm

**b.** **Nội dung**: HS thực hiện nhiệm vụ

**c. Sản phẩm**: Bài viết của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

Viết thư gửi đến một công ti để xin tài trợ trang thiết bị học tập cho học sinh vùng khó khăn.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.** HS thực hiện tại nhà.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.** HS gửi sản phẩm lên Palet/ nhóm Zalo.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.** GV đánh giá, chấm điểm.

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

* HS hoàn thiện các bài tập còn lại.

**- Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Tranh biện về một vấn đề đời sống

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung module đã được tập huấn.

- Một số tài liệu trên mạng internet.

**RÚT KINH NGHIỆM**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết:89,90 NÓI VÀ NGHE**

**TRANH BIỆN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực.** Giúp HS:

- Tranh biện về một vấn đề trong đời sống thể hiện được những ý kiến trái chiều.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để tổ chức một cuộc tranh biện trong lớp về chủ đề đáng quan tâm.

**2. Phẩm chất:**

- Thể hiện được thái độ cầu thị trong khi tranh biện.

- Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

**-** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài tranh luận.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

**Xem video sau (từ 5.03 đến 7.07 và 7.28 đến 9.43)**

<https://youtu.be/escLDAuEgS8>

và cho biết:

1. Hai đội tranh biện với nhau về điều gì?

2. Hai bên đã đưa ra lí lẽ thế nào thể bảo vệ cho quan điểm của mình?

3. Em thích phần trình bày của đội nào hơn?

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện các yêu cầu.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Đại diện HS trả lời, HS khác lắng nghe, bổ sung.

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.

GV dẫn dắt vào bài: Trước một vấn đề trong cuộc sống thường có những ý kiến và quan điểm khác nhau. Làm thế nào để bảo vệ được quan điểm của mình khi tranh luận với người có quan điểm khác mình một cách thuyết phục? Bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời được câu hỏi ấy.

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe.

**b. Nội dung:** Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bịNói và Nghe.

**c. Sản phẩm:** Bài thảo luận đúng yêu cầu và quy trình.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân  - GV giao nhiệm vụ: Đọc mục Y*êu cầu* trong sgk, tr.85, kết hợp với sự hiểu biết của bản thân, trả lời câu hỏi:  - Bài nói và nghe với chủ đề tranh biện về một vấn đề đời sống cần đạt yêu cầu gì?  - Nêu quy trình của bài nói và nghe?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện các yêu cầu.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề. | **1. Yêu cầu của bài nói và nghe**  - Nêu được rõ ràng quan điểm (tán thành hay phản đối về vấn đề tranh biện.  - Đưa ra các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để bảo vệ quan điểm của nhóm mình, phản bác quan điểm của nhóm mình, phản bác quan điểm của nhóm đối lập.  - Thể hiện được sự tương tác tích cực trong quá trình tranh biện; biết lắng nghe và tôn trọng người tranh biện với mình.  - Có cử chỉ, điệu bộ và ngữ điệu linh hoạt, phù hợp; biết sử dụng hiệu quả phương tiện phi ngôn ngữ để tăng thêm tính thuyết phục.  **2. Quy trình của bài nói và nghe**  **Bước 1: Chuẩn bị tranh biện**  \* Lựa chọn đề tài: Có thể tham khảo một số đề tài:  - Cần cấm ô tô đi vào trung tâm thành phố.  - Tình yêu học đường – nên hay không nên?  - Nên chọn nghề theo nhu cầu của thị trường lao động.  - Cần phát triển hình thức học và làm việc trực tuyến để thay thế dần hình thức học và làm việc truyền thống.  - Nên hay không nên mang điện thoại di động đến lớp  \* Lập đội tham gia tranh biện  - Một cuộc tranh biện thường có sự tham gia của 2 đội, thể hiện quan điểm trái ngược nhau. Mỗi đội có 2 – 3 thành viên. - Ngoài ra, cần có người điều hành và khán giả theo dõi, bình chọn.  - Mỗi người được lựa chọn đội tranh biện mình muốn tham gia.  \* Nghiên cứu vấn đề đã lựa chọn và chuẩn bị ý kiến tranh biện  - Tìm hiểu kĩ vấn đề tranh biện, xem xét vấn đề từ nhiều góc độ để nhận ra khả năng những quan điểm khác biệt, đối lập.  - Dự kiến những lí lẽ có thể bị phản bác để suy nghĩ cách bảo vệ.  - Phân biệt ba loại lập luận để chuẩn bị và vận dụng hiệu quả trong quá trình tranh biện: Lập luận để chứng minh quan điểm của đội mình là đúng đắn; lập luận để chứng minh quan điểm của phía đối lập là sai trái; lập luận để bảo vệ quan điểm của đội mình trước ý kiến phản biện của đối phương.  \* Tìm hiểu quy tắc tranh biện:  - Tranh biện là hình thức giao tiếp nhằm phân định sự đúng – sai, thuyết phục – không thuyết phục của các quan điểm. Tuy vậy, một cuộc tranh biện cần được diễn ra trên tinh thần bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau => Các bên tham gia tranh biện cần tuân thủ một số quy tắc.  - Chú ý dùng cử chỉ phù hợp khi tranh biện. Trong quá trình tranh biện có thể có những ý kiến phản biện gai góc, mỗi người cần điềm tĩnh, kiểm soát được thái độ và ngữ điệu nói.  **\* Bước 2: Thực hành tranh biện**  - Mở đầu cuộc tranh biện, người điều hành nêu vấn đề, giới thiệu thành phần tham gia, nêu rõ mục đích, quy tắc tranh biện và có trách nhiệm đảm bảo cuộc tranh biện diễn ra theo đúng quy trình:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phiên tranh biện** | **Phía tán thành** | **Phía phản đối** | | Phiên thứ nhất | Bám sát vấn đề đã chọn để tranh biện, khẳng định quan điểm đồng tình, giải thích những khái niệm cơ bản, trình bày các luận điểm chính, dùng lí lẽ và bằng chứng để củng cố quan điểm ủng hộ. | Nhắc lại vấn đề đã chọn để tranh biện, khẳng định sự không đồng tình, định nghĩa lại những khái niệm chưa hợp lí, trình bày các luận điểm, dùng lí lẽ và bằng chứng để khẳng định lại quan điểm đối lập. | | Có thể có lượt hỏi – đáp từ hai phía để chất vấn và phản hồi các ý kiến. | | | Phiên thứ hai | Phản bác lại từng luận điểm của phía phản đối, phân tích sâu hơn quan điểm của đội mình, bổ sung lí lẽ và bằng chứng để tăng sức thuyết phục. | Bác bỏ từng luận điểm mà phía tán thành vừa nêu ra; khẳng định lại quan điểm phản đối của đội mình, củng cố quan điểm đó bằng lí lẽ sắc bén và bằng chứng thuyết phục. | | Có thể có lượt hỏi – đáp từ hai phía để chất vấn và phản hồi các ý kiến. | | | Phiên thứ ba | Tiếp tục phản bác ý kiến của phía phản đối, khẳng định tính đúng đắn của những luận điểm quan trọng đã bị bác bỏ; kết luận về vấn đề và khẳng định lại quan điểm của đội mình. | Tiếp tục phản bác ý kiến của phía tán thành; bảo vệ những luận điểm quan trọng đã bị bác bỏ; kết luận về vấn đề và khẳng định lại quan điểm của đội mình. |   - Phần kết thúc cuộc tranh biện, người điều hành tóm tắt các luận điểm chính về vấn đề tranh biện của phía tán thành và phía phản đối; tổ chức lấy ý kiến đánh giá, bình chọn của khán giả về các đội tranh biện, có thể có một đội được chỉ định làm “trọng tài”. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách tranh luận về một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau.

**b. Nội dung**: HS trình bày bài tranh luận vấn đề đã chuẩn bị. HS khác lắng nghe, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Bài tranh luận, các câu hỏi, ý kiến nhận xét của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. Thao tác 1. Tìm hiểu các bước chuẩn bị và Tìm ý, lập dàn ý.**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu:  Trao đổi trong bàn, thực hiện các nhiệm vụ sau:  *(1) Nêu các bước tiến hành tranh luận về một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau.*  *(2) Báo cáo kết quả thực hiện bước chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý..*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện các yêu cầu.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề. | **2. Thực hành**  **Bài tập:** *Có ý kiến cho tác phẩm :“Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” chỉ có ý nghĩa lịch sử với thời đại Nguyễn Đình Chiểu, lại có người cho rằng tác phẩm ấy còn mang tính thời sự với cuộc sống hôm nay. Nếu tán thành ý kiến thứ hai, em sẽ bảo 2vệ ý kiến ấy như thế nào?*  **a. Bước 1. Chuẩn bị**  - Đọc và tìm hiểu kĩ vấn đề em sẽ tranh luận: đồng tình với ý kiến “tác phẩm Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc còn mang tính thời sự đối với cuộc sống hiện nay."  - Xem lại phần đọc hiểu bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*; tìm hiểu ý nghĩa lịch sử và tính thời sự của một tác phẩm văn học.  - Suy nghĩ về các lí lẽ, bằng chứng sẽ nêu lên (lí lẽ bảo vệ ý kiến em đồng tình và lí lẽ phản bác lại ý kiến trái ngược).  **b. Bước 2. Tìm ý và lập dàn ý**  Xem lại dàn ý **đã viết ở** **nhà** và bổ sung các ý cho phù hợp với đối tượng, yêu cầu, thời gian, điều kiện trình bày báo cáo.  **DÀN Ý**   |  |  | | --- | --- | | **Mở đầu** | Khẳng định đồng tình với ý kiến: tác phẩm Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc không chỉ có giá trị lịch sử mà còn mang tính thời sự đối với cuộc sống hiện nay. | | **Nội dung chính** | - Nêu những lí lẽ để bảo vệ và làm rõ ý kiến: bài văn tế không chỉ có ý nghĩa lịch sử mà còn mang tính thời sự đối với cuộc sống hiện nay.  - Nêu lí lẽ phản bác lại ý kiến cho rằng bài văn tế chỉ có ý nghĩa lịch sử | | **Kết thúc** | Khẳng định việc cần nhìn nhận đúng về các tác phẩm văn học trung đại nói chung và bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* nói riêng | |
| **2. Thao tác 2. Thực hiện các bước Nói và nghe; Kiểm tra và chỉnh sửa.**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV:  - Gọi 02 HS trình bày bài nói của mình.  Các HS khác lắng nghe và nhận xét theo **PHỤ LỤC 1**  **PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH VÀ QUÁ TRÌNH NÓI**  - Gọi 1 số HS nhận xét nhận xét trước lớp về bài viết của bạn theo **PHỤ LỤC 1.** CácHS khác lắng nghe phần nhận xét và đánh giá kết quả nghe của bạn theo **PHỤ LỤC 2 - PHIẾU ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE**  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện các yêu cầu.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.  GV yêu cầu HS kiểm tra và chỉnh sửa theo yêu cầu của người nói, người nghe. | **c. Bước 3. Nói và nghe**   |  |  | | --- | --- | | **Người nói** | **Người nghe** | | - Giới thiệu được vấn đề cần tranh luận.  - Tóm lược những ý kiến khác nhau về vấn đề, trình bày ý kiến cá nhân, sử dụng lí lẽ và bằng chứng để chứng minh cho quan điểm của mình; trao đổi thảo luận với những người có ý kiến khác.  - Khái quát những điểm chung có thể thống nhất, nhấn mạnh tác dụng của cuộc tranh luận. | - Chú ý lắng nghe bài nói của bạn.  - Nghe trên tinh thần chuẩn bị đưa ra quan điểm của mình để đối thoại với người nói.  - Đặt câu hỏi để người nói trình bày, giải thích về những nội dung còn chưa rõ.  - Trao đổi với người nói về những điểm mà mình chưa đồng tình. |   **d. Bước 4. Kiểm tra và chỉnh sửa**   |  |  | | --- | --- | | **Người nói** | **Người nghe** | | - Rút kinh nghiệm về bài tranh luận:  + Nội dung tranh luận đã đầy đủ như trong dàn ý chưa?  + Hình thức tranh luận có sáng tạo, phù hợp không?  + Tác phong, thái độ tranh luận như thế nào?  - Tự đánh giá:  + Ưu điểm của bài tranh luận là gì?  + Cần khắc phục những hạn chế nào? | - Kiểm tra kết quả nghe và ghi chép các nội dung thông tin đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì?  - Có nêu được câu hỏi và ý kiến thảo luận, trao đổi với người thuyết trình không?  - Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài tranh luận.  - Đánh giá:  + Bài tranh luận của người nói có ưu điểm và hạn chế nào?  + Nếu tranh luận, em sẽ điều chỉnh như thế nào? | |

**PHỤ LỤC 1**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH VÀ QUÁ TRÌNH NÓI**

**NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:………………….**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung đánh giá** | **Kết quả** | |
| **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **BÀI THUYẾT TRÌNH** | |  |  |
| 1 | Bố cục ba phần: Mở đầu, nội dung chính, kết thúc. |  |  |
| 2 | Phần nội dung chính đã làm rõ được vấn đề cần trình bày. |  |  |
| **QUÁ TRÌNH NÓI** | |  |  |
| 3 | Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có). |  |  |
| 4 | Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian, duy trì tương tác với người nghe. |  |  |
| 5 | **ĐÁNH GIÁ CHUNG**  - Những thành công và hạn chế của bài tranh luận: ........................................................................................................................................................................................  - Hướng khắc phục, sửa chữa: ........................................................................................................................................................................................................................... | | |

**PHỤ LỤC 2**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE**

**NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:………………….**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung đánh giá** | **Kết quả** | |
| **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH NGHE** | |  |  |
| 1 | Thái độ nghe: tập trung và tôn trọng người nói |  |  |
| 2 | Tích cực ghi chép |  |  |
| 3 | Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói |  |  |
| 4 | **KIỂM TRA KẾT QUẢ NGHE**  - Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?  ....................................................................................................................................  - Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức tranh luận về một vấn đề có ý kiến trái chiều:  ......................................................................................................................................................................................... | | | |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS biết tranh luận về một vấn đề có ý kiến trái chiều.

**b. Nội dung**: Tranh luận về vấn đề **Tình yêu tuổi học đường – Nên hay không nên?**

**c. Sản phẩm:** Phần tranh biện của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chia lớp thành hai nhóm. Nhóm ủng hộ quan điểm **nên** và nhóm ủng hộ quan điểm **không nên**.

- GV nêu nhiệm vụ cho nhóm:

Đưa ra những lí lẽ và dẫn chứng để bảo vệ quan điểm của mình về vấn đề: **Tình yêu tuổi học đường – Nên hay không nên?**

+ Hình thức: Tổ chức thành buổi tranh biện theo format “Truongteen” và quay video.

+ Đăng trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

+ Chấm điểm: Theo lượt chia sẻ, bình luậnvà yêu thích.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Đăng trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

**Bước 4: Kết luận, nhận xét**

GV nhận xét tổng kết trong bài học sau.

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:**

- Hoàn thiện các bài tập còn lại.

- Tự thực hành nói: Tranh luận về một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau (chủ đề tự chọn).

**- Chuẩn bị bài:** Củng cố, mở rộng.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1,2,3,9 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

**RÚT KINH NGHIỆM**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**5. HOẠT ĐỘNG 5: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG (CẢ BÀI 8)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

**b. Nội dung:**

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.

- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chia 4 nhóm thảo luận 4 câu hỏi (1, 2, 3, 4)

**Câu hỏi thảo luận nhóm:**

**Câu 1.** Tổng hợp các thông tin về các VB đã học trong bài theo gợi ý sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên VB | Tên tác giả | Ý chính | Ý phụ | Chi tiết | Quan điểm, thái độ |

**Câu 2.** Tìm đọc các văn bản khác trong hai cuốn sách *Nhiệt đới buồn* của Cờ lốt Lê-vi-Xtơ-rốt và *Đời muối: Lịch sử thế giới* của Mác Kơ-len-xki. Tóm tắt các thông tin mà bạn đã đọc.

**Câu 3.** Nêu một số trường hợp vi phạm quyền sở hữu trí tuệ mà bạn biết. Bạn rút được kinh nghiệm gì từ những trường hợp đó?

**Câu 4.** Lập dàn ý cho một bức thư dự kiến viết nhằm một trong những mục đích sau:

- Kiến nghị gửi cho hiệu trưởng về tình trạng lãng phí điện trong trường học

- Kiến nghị gửi cho lãnh đạo địa phương về kế hoạch phát triển cây xanh ở nơi bạn sinh sống

- Trao đổi với một người có ảnh hưởng trong xã hội về vấn đề khởi nghiệp trong giới trẻ.

**Câu 5. (HS tự tổ chức tranh biện)** Tổ chức cuộc tranh biện trong nhóm hoặc trong lớp về một trong các chủ đề gợi ý sau:

- Có nên phát triển du lịch ở những khu vực bảo tồn thiên nhiên hoang dã?

- Học đại học có phải là con đường duy nhất sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông?

- Có nên thay thế các vật liệu tự nhiên bằng các vật liệu nhân tạo?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.

- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 1. Tổng hợp các thông tin về các văn bản đã học trong bài theo gợi ý sau:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên VB** | **Tên tác giả** | **Ý chính** | **Ý phụ** | **Chi tiết** | **Quan điểm, thái độ** |
| *Pa-ra-na* | Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt | - Số phận người Anh điêng trong lịch sử.  - Cuộc sống người Giê dưới chế độ thực dân. | - Số phận người Anh điêng trong các giai đoạn: Trước thời kì thuộc địa, vài thế kỉ trước, 1914, sau đó.  - Những chính sách và hoạt động của chính phủ và phản ứng của người bản xứ. | - Chi tiết người Giê bản địa từ khi bị người Châu Âu xâm lược, đã bị dồn đuổi, phải lẩn trốn, bị cưỡng bức định cư  - Chi tiết về những tập tục cư trú, sinh hoạt, ăn uống, lao động…của người Giê bản xứ… | - Thái độ:  + Nghiên cứu nghiêm cẩn, trách nhiệm, khách quan nhưng cũng đầy đồng cảm và thấu hiểu  + Ngưỡng mộ đối với vẻ đẹp, sức sống mãnh liệt và sự tinh tế của nền văn hoá bản địa  - Quan điểm: khẳng định sự bình đẳng và đa dạng giữa các nền văn hoá và kêu gọi sự trở về, sống hài hoà với thiên nhiên, giữ gìn bản sắc dân tộc |
| *Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục* | Nguyễn Nam | Bối cảnh lịch sử, điểm nhấn then chốt trong lịch sử giáo dục Việt Nam và giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục | - Bối cảnh lịch sử: Những biến động chính trị, kinh tế, xã hội và quân sự ở khu vực Đông Á cuối TK XIX – đầu TKXX; chiến thắng của Nhật Bản trong chiến tranh Nga – Nhật (1905)  - Điểm nhấn then chốt trong lịch sử giáo dục không phải từ trên xuống…; các bằng chứng để làm nổi bật nhận định  - Mục đích - tôn chỉ giáo hóa của ĐKNT. | Chi tiết các biến động chính trị; Bắc – Trung – Nam bị phân cắt thành 3 kì…  - Sách ĐKNT của Đào Trinh Nhất… | thái độ, lập trường của tác giả, qua nội dung các nhận định, đánh giá thể hiện sự đề cao vị trí và đóng góp của Đông Kinh Nghĩa Thục trong lịch sử; tác giả đã thể hiện một cách gián tiếp thái độ ủng hộ đối với giáo dục khai phóng. |
| *Đời muối* | Mác Kơ-len-xki | Lịch sử nhân loại gắn liền với hành trình đời muối: trước và sau khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống. | - Trước khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu, lịch sử nhân loại phát triển một cách chậm chạp, gắn với sự hình thành một cách dần dần của việc thuần hóa động vật hoang dã, trồng trọt và chăn nuôi.  - Việc tìm kiếm, sản xuất, buôn bán muối đã thúc đẩy công nghiệp, thương mại, giao thông, địa chất học, hóa học phát triển, tạo nên những thay đổi lớn trong các thể chế chính trị,… | - Khoảng 11 000 năm trước CN, sau khi Kỉ Băng Hà kết thúc…; vào khoảng năm 8000 trước CN… | Khi quan sát lịch sử của nhân loại qua những thăng trầm trong số phận của muối, tác giả đã tạo ra một cách phân kì lịch sử khác, nhìn lịch sử nhân loại từ một góc độ khác, nhìn ra những quy luật khác của lịch sử và đặt ra. |
| *Sách thay đổi lịch sử loài người* | Vũ Đức Liêm | Ảnh hưởng của sách đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; mối quan hệ của sách với độc giả và tương lại của sách. | - Tầm quan trọng của sách: góp phần tạo ra châu Âu hiện đại; tương tác và ảnh hưởng sâu rộng trên nhiều lĩnh vực: in ấn, báo tạp chí, quảng cáo…  - Sự gia tăng số lượng độc giả và sự phát triển của văn hóa đọc đã thay đổi hành vi đọc, thị hiếu đọc và cách thức sản xuất sách…. | Các chi tiết về vai trò của sách; hoạt động đọc sách… | Đề cao vị trí, vai trò của sách trong đời sống con người. |

**Câu 2.**  **HS tự sưu tầm và tóm tắt các thông tin đã đọc theo yêu cầu**

**Ví dụ: Đoạn trích chương XXVIII trong *Nhiệt đới buồn* có tên *Bài học chữ viết*** thể hiện những thông tin cơ bản về chữ viết của người thổ dân Nambikwara

- Người Nambikwa không biết viết, không biết vẽ.

- Tò mò, sử dụng giấy trắng và chì để vẽ đường ngoằn ngoèo thể hiện ý muốn của mình.

- Sử dụng bức vẽ ngoằn ngoèo ấy trong các cuộc trao đổi.

- Từ đó, nhân vật tôi có những suy nghĩ về vai trò của chữ viết trong lịch sử nhân loại.

**Câu 3.** Một sốtrường hợp vi phạm quyền sở hữu trí tuệ nổi tiếng:

**- Tranh chấp về bản quyền tác giả đối với truyện tranh “Thần đồng đất Việt”**

**- Tranh chấp bản quyền bài hát Gánh mẹ**

**- Vụ tranh chấp bản quyền phim Trạng Tí**

**- Tranh chấp nhãn hiệu cà phê Trung Nguyên ở Mỹ.**

**=> Rút kinh nghiệm:**

- Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ: Cần ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và tôn trọng quyền của người khác.

- Sử dụng hợp pháp các sản phẩm trí tuệ: Chỉ sử dụng các sản phẩm trí tuệ khi có sự cho phép của chủ sở hữu.

- Bảo vệ bí mật kinh doanh: Có biện pháp bảo vệ bí mật kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tuân thủ pháp luật: Tuân thủ các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ.

**Câu 4, 5. HS tự lập dàn ý/tổ chức tranh biện theo yêu cầu.**

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.

**- Chuẩn bị bài 9:** Văn học và cuộc đời

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2.

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung module đã được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

**RÚT KINH NGHIỆM**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................